TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/KDTM-ST
Ngày 31 – 8 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Ân

2. Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Tiết Ánh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N; Địa chỉ: số 198, đường Trần Quang K, phường Lý Thái T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Thanh H, sinh năm 1973 - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch phường 2 thuộc Ngân hàng TMCP N chi nhánh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần N theo văn bản ủy quyền số: 28/QĐ-GUQ-CMA ngày 26/4/2023 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Công B, sinh năm 1984; Địa chỉ: số 121, đường Huỳnh Ngọc Đ, khóm 5, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Lê Công V và chị Huỳnh Thị Thu N; Địa chỉ: số 06, ấp Bà Đ, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.2. Bà Lê Thị S, sinh năm 1952 và chị Lê Bé T, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp Bà Đ, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/10/2022, Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Cà Mau ký hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 3851/2022/HDCV-CMA-PGD cho anh Lê Công B vay số tiền 6.200.000.000 đồng nhằm mục đích kinh doanh mua bán khô các loại và công nghệ thực phẩm, thời hạn vay của hợp đồng là 175 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân, lãi suất cho vay theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Khi vay, anh B có thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 98 tọa lạc ấp Bà Đ, xã L, thành phố Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 238755 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/9/2012, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cà Mau ghi nhận thay đổi, chỉnh lý đứng tên anh Lê Công V, chị Huỳnh Thị Thu N vào ngày 04/12/2018; Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 337 tọa lạc tại Quản lộ Phụng Hiệp, xã T, thành phố Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 285915 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 12/10/2017 đứng tên anh Lê Công V, chị Huỳnh Thị Thu N. Trước khi nhận thế chấp tài sản bảo đảm, Ngân hàng đã đi kiểm tra thực tế tài sản và có định giá tài sản thế chấp. Sau đó, Ngân hàng thống nhất nhận thế chấp nên các bên đến Cơ quan công chứng chứng thực hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, anh B không thực hiện đúng cam kết trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng và tính đến ngày 31/8/2023, anh B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 6.656.605.123 đồng (sáu tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn một trăm hai mươi ba đồng) trong đó, nợ gốc là 6.200.000.000 đồng và nợ lãi là 456.605.123 đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh B trả một lần xong số tiền nợ trên cùng lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp anh B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đã nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Công B (bị đơn) trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của người đại diện Ngân hàng về thời gian vay, về các tài sản thế chấp cho Ngân hàng là đúng, hiện anh còn nợ Ngân hàng TMCP N số tiền vốn vay là 6.200.000.000 đồng, nợ lãi đúng như người đại diện Ngân hàng trình bày. Đồng thời, anh B cũng đồng ý trả số tiền nợ trên nhưng anh xin Ngân hàng cho thời hạn bán tài sản thế chấp để trả vốn và lãi cho Ngân hàng, còn thời gian bán tài sản để trả nợ Ngân hàng anh sẽ về thỏa thuận với gia đình và sẽ báo cho Ngân hàng trong thời gian sớm nhất. Tuy nhiên, tại phiên tòa xét xử dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh B vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chổ ngày 18/7/2023, chị Lê Bé T và bà Lê Thị S (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Chị Lê Bé T cho rằng thửa đất tọa lạc tại ấp Bà Đ, xã L, thành phố Cà Mau đứng tên anh Lê Công V, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng là của chị được cha mẹ cho từ trước nhưng việc cho không làm giấy tờ và chị sinh sống tại thửa đất trên từ năm 2007 cho đến nay còn căn nhà là do anh V xây dựng để cho bà Lê Thị S là mẹ ruột của anh, chị ở. Riêng căn nhà tiền chế cất trên đất để bán nước giải khát là của chị bỏ tiền ra xây dựng, nay Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất nêu trên chị không đồng ý, gia đình sẽ gặp anh V, anh B để tìm phương án trả nợ cho Ngân hàng trong thời gian sớm nhất. Đối với bà Lê Thị S cũng có cùng ý kiến với chị T và bà S cùng chị T không yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận nhiều công việc nên bà S và chị T xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Đối với anh Lê Công V, chị Huỳnh Thị Thu N (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh V, chị N vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Lê Công B cùng anh Lê Công V và chị Huỳnh Thị Thu N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử và triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Riêng chị Lê Bé T và bà Lê Thị S đã có ý kiến và xin vắng mặt trong các lần hòa giải, xét xử vụ án nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B, anh V, chị N, bà S và chị T.

[2] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng cấp hạn mức giữa nguyên và bị đơn, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp cho bị đơn lần đầu vào ngày 09/11/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 07/10/2022, Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn vay tiền của nguyên nhằm mục đích kinh doanh mua bán khô các loại và công nghệ thực phẩm là có thật. Tuy bị đơn không chứng minh được việc kinh doanh mua bán có thu được lợi nhuận hay không nhưng đối chiếu với quy tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[3] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả vốn và lãi theo thoả thuận là đã vi phạm điều khoản cam kết trong hợp đồng nên được xem xét làm cơ sở để thanh lý hợp đồng.

Với chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa, thể hiện: Tại giấy nhận nợ số 3966 ngày 20/12/2022, nguyên đơn giải ngân cho bị đơn vay vốn với số tiền 3.000.000.000 đồng; Tại giấy nhận nợ số 4033 ngày 26/12/2022, nguyên đơn giải ngân cho bị đơn vay vốn với số tiền 1.100.000.000 đồng; Tại giấy nhận nợ số 4034 ngày 26/12/2022, nguyên đơn giải ngân cho bị đơn vay vốn với số tiền 1.000.000.000 đồng và tại giấy nhận nợ số 4037 ngày 27/12/2022, nguyên đơn giải ngân cho bị đơn vay vốn với số tiền 1.100.000.000 đồng. Các lần giải ngân nêu trên, bị đơn là người trực tiếp ký nhận với tổng số tiền là 6.200.000.000 đồng được thể hiện trên chứng từ giao dịch là giấy rút tiền. Do đó, có đủ cơ sở xác định bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn các khoản với số tiền 6.656.605.123 đồng (sáu tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn một trăm hai mươi ba đồng) trong đó, nợ tiền vốn vay là 6.200.000.000 đồng và nợ tiền lãi tính đến ngày 31/8/2023 là 456.605.123 đồng là sự thật, được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh. Hơn nữa, bị đơn cũng thừa nhận có nợ và đồng ý thanh toán nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 3849/2022/HDCV-CMA-PGD ngày 28/10/2022 và hợp đồng thế chấp tài sản số: 3850/2022/HDCV-CMA-PGD ngày 28/10/2022 giữa Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Cà Mau với anh Lê Công V, chị Huỳnh Thị Thu N, Hội đồng xét xử thấy rằng các hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo khoản nợ vay được ký kết giữa các đương sự có công chứng chứng chứng thực, được đăng ký giao dịch bảo đảm và trước khi nhận thế chấp các tài sản theo ghi nhận tại hợp đồng thế chấp, nguyên đơn đã định giá, kiểm tra thực tế tài sản bảo đảm (có lập biên bản kèm theo) nên việc thế chấp nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ.

Đối với bà Lê Thị S, hiện đang ở trong căn nhà được anh V, chị N xây dựng cùng căn nhà tiền chế mà chị Lê Bé T trình bày do chị xây dựng trên phần đất tọa lạc tại ấp Bà Đ, xã L, thành phố Cà Mau đã thế chấp cho Ngân hàng. Mặc dù, căn nhà tiền chế và phần đất này chị Bé T cho rằng được cha mẹ tặng cho từ năm 2007 nhưng không có chứng cứ nào chứng minh trong khi phần đất này được cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý, công nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng cho anh V, chị N và tại thời điểm anh V, chị N thế chấp tài sản chị Bé T cũng không có ý kiến gì phản đối hay tranh chấp với anh V, chị N. Hơn nữa, chị Bé T không có yêu cầu gì đối với căn nhà tiền chế được xây dựng trên đất và không tranh chấp quyền sử dụng đất với anh V, chị N nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

[5] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần hết số nợ trên song Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch. Nguyên đơn không phải chịu, đã nộp tiền tạm ứng án phí được trả lại toàn bộ cho nguyen đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 317, 318 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N.

- Buộc anh Lê Công B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N các khoản tính đến ngày 31/8/2023 với tổng số tiền là 6.656.605.123 đồng (sáu tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn một trăm hai mươi ba đồng) trong đó, nợ tiền vốn vay là 6.200.000.000 đồng và nợ tiền lãi là 456.605.123 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 31/8/2023, anh Lê Công B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh Lê Công B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Buộc anh Lê Công V, chị Huỳnh Thị Thu N cùng bà Lê Thị S và chị Lê Bé T là người đang ở trên đất giao các tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 98 tọa lạc ấp Bà Đ, xã L, thành phố Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 238755 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/9/2012, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cà Mau ghi nhận thay đổi, chỉnh lý đứng tên anh Lê Công V, chị Huỳnh Thị Thu N vào ngày 04/12/2018.

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 337 tọa lạc tại Quản lộ Phụng Hiệp, xã Th, thành phố Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số BK 285915 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 12/10/2017 đứng tên anh Lê Công V, chị Huỳnh Thị Thu N.

Để xử lý phát mại theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thu hồi nợ cho Ngân hàng khi anh Lê Công B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Anh Lê Công B phải chịu số tiền 114.656.605 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ năm đồng - chưa nộp).

- Ngân hàng thương mại cổ phần N không phải chịu. Ngày 12/5/2023, Ngân hàng thương mại cổ phần N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 57.198.000 đồng (năm mươi bảy triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003373 được trả lại toàn bộ cho Ngân hàng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân